

Số: 04/2024/QĐST-HNGĐ

Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 02 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Quang Năng

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Trần Thị Thúy Hạnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Quyết- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 165/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2023, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp số 03/2024/QĐ-TA ngày 17 tháng 01 năm 2024, bao gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

- Anh Trần Quốc U; sinh ngày 09/9/1992; Căn cước công dân số 042092007690; Hộ chiếu số C8837827; Hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tại Hàn Quốc (vắng mặt tại phiên họp).

- Ch Nguyễn Thị N, sinh ngày 16/3/1994; Căn cước công dân số 042194002877; Hộ chiếu số C8830051; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Thôn S, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tại Canada (vắng mặt tại phiên họp).

Người tham gia tố tụng khác: Ông Trần Văn H, địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh và ông Nguyễn Cao T; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt tại phiên họp).

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo Đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, Bản tự khai của anh Trần Quốc U và chị Nguyễn Thị N cũng như các tài liệu khác, vụ việc có nội dung như sau:

Quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc U và chị Nguyễn Thị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 nhưng đến ngày 14 tháng 7 năm 2017 mới tiến hành

đăng ký kết hôn. Việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, kết hôn tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống xa nhau (anh U ở Hàn Quốc còn chị N ở Việt Nam) nên thiếu sự quan tâm, tin tưởng và chia sẻ, tình cảm phai nhạt. Tháng 5/2023 chị N đi lao động tại C, từ thời điểm đó vợ chồng cắt đứt liên lạc.

Anh U và chị N xác định tình cảm không còn, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng nên cả hai đều có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh công nhận sự thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung. Họ và tên: Trần Nguyễn Sa L; sinh ngày 05/9/2015 và Trần Đức Đăng K, sinh ngày 28/3/2018. Các đương sự thống nhất giao các con chung cho anh Trần Quốc U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị N1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh U chưa về nước các bên thống nhất nhờ ông Trần Văn H, sinh ngày 30/8/1967; Căn cước công dân số 042067002515 (là bố đẻ của anh U); địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh thay anh U chăm sóc các con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Con chung trên 7 tuổi Trần Nguyễn Sa L có nguyện vọng được ở với bố (Trần Quốc U) và ông bà nội (Trần Văn H).

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người tham gia tố tụng khác: Ông Trần Văn H có văn bản tự nguyện nuôi dưỡng các con chung của anh U và chị N thay cho anh U, không yêu cầu tiền nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Cao T đồng ý nhận ủy quyền của anh Trần Quốc U, chị Nguyễn Thị N trong việc giao, nhận các văn bản tố tụng, cam đoan thông báo kịp thời, đầy đủ cho anh U, chị N.

Tại phiên họp, các đương sự vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự: Công nhận sự thuận tình ly hôn, thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn, nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung giữa anh Trần Quốc U và chị Nguyễn Thị N. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét. Về lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận sự tự nguyện nộp lệ phí ly hôn sơ thẩm của anh Trần Quốc U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Trần Quốc U' và chị Nguyễn Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, đều có yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết việc hôn nhân gia đình. Anh U' và chị N đang cư trú tại nước ngoài (Công văn số 34883/QLXNC-P3, ngày 25/12/2023 của Cục Q, bút lục số 33 có tại hồ sơ). Căn cứ quy định tại các Điều 29, 35, 37, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Các tài liệu chứng cứ của anh Trần Quốc U' và chị Nguyễn Thị N gửi về qua đường bưu điện đã được giám định chữ viết, chữ ký của Phòng K1 Công an tỉnh H được coi là hợp pháp.

[1.3] Tại phiên họp anh U', chị N vắng mặt, tuy nhiên đã có yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2.] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc U' và chị Nguyễn Thị N tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đã tuân thủ các điều kiện và đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 7 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân của anh Trần Quốc U' và chị Nguyễn Thị N là hợp pháp.

Xác định tình trạng hôn nhân của anh U', chị N thấy rằng: Theo trình bày của hai anh chị thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống xa nhau nên thiếu sự quan tâm, tin tưởng và chia sẻ, tình cảm phai nhạt. Vợ chồng cắt đứt liên lạc từ tháng 5/2023 đến nay. Cả hai đều mong muốn được ly hôn, đã thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn, nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con của người không trực tiếp nuôi dưỡng và tài sản chung.

Như vậy, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ “*Thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình*” (Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình) và “không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc”, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[3] Quan hệ con chung: Sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn của anh Trần Quốc U' và chị Nguyễn Thị N là phù hợp với thực tế, nguyện vọng của các con, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung nên cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] Quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: Anh Trần Quốc U tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 29, 35, 37, 39, 361, 367, 369, 370, 371, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 2, các Điều 19, 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Quốc U và chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao các con chung Trần Nguyễn Sa L; sinh ngày 05/9/2015 và Trần Đức Đăng K, sinh ngày 28/3/2018 cho anh Trần Quốc U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh U chưa về nước ông Trần Văn H thay anh U chăm sóc các con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị N1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của anh Trần Quốc U (đã nộp tại biên lai số 0000737 ngày 07/12/2023 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 06/02/2024.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh (2 bản);
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND nơi thực hiện ĐKKH;
- Dương sự; Lưu.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Bùi Quang Năng